

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_01,..., 07
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> <i>chỉ được sử dụng tài liệu giấy</i> Không <input type="checkbox"/>

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	30%	Câu 1,2,3,4, 5, 6,7,8	3	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	40%	Câu 9,10,11,12,13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20	4	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI7.1

(Phần công bố cho sinh viên)

## I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_01,...,07
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> <i>chỉ được sử dụng tài liệu giấy</i> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/> Dự phòng <input checked="" type="checkbox"/>

## II. Nội dung câu hỏi thi

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)** bao gồm 20 câu, mỗi câu 0.35 điểm

### *Câu 1-CLO1- [Dự phòng]*

Tài khoản nào sau đây được xem là tài khoản thường xuyên và thuộc Bảng cân đối kế toán:

- A. Chi phí trả trước
- B. Chi phí bán hàng
- C. Chi phí quản lý doanh nghiệp
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

### *Câu 2-CLO1- [Dự phòng]*

Đối tượng nào sau đây sẽ kiểm tra, đánh giá và đảm bảo độ tin cậy của thông tin trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp?

- A. Kiểm toán viên độc lập
- B. Ngân hàng
- C. Nhà đầu tư
- D. Cổ đông

ANSWER: A

### *Câu 3-CLO1- [Dự phòng]*

Khoản tiền doanh nghiệp được nhà cung cấp giảm trừ trong trường hợp trả tiền mua hàng trước thời hạn được ghi nhận vào khoản mục nào sau đây trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

- A. Doanh thu hoạt động tài chính
- B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- C. Thu nhập khác
- D. Các khoản giảm trừ doanh thu

ANSWER: A

***Câu 4-CLO1- [Dự phòng]***

**Nghiệp vụ nào sau đây không làm biến động tổng giá trị tài sản và tổng giá trị nguồn vốn của doanh nghiệp?**

- A. Chuyển khoản mua nguyên vật liệu
- B. Vay ngân hàng để mua một tài sản cố định sử dụng cho bộ phận bán hàng
- C. Mua một lô hàng hóa nhập kho chưa thanh toán tiền cho người bán
- D. Chuyển khoản thanh toán tiền điện nước đã dùng trong tháng

ANSWER: A

***Câu 5-CLO1- [Dự phòng]***

**Nội dung nào sau đây phù hợp với bút toán “Nợ TK 111/Có TK 511”?**

- A. Bán được một lô hàng hóa thu ngay bằng tiền mặt
- B. Nhận được một khoản tiền mặt từ người bán A bồi thường vì giao hàng trễ hạn
- C. Nhận được khoản cổ tức bằng tiền mặt từ việc đầu tư chứng khoán
- D. Hoàn thành cung cấp dịch vụ cho khách hàng nhưng chưa thu tiền

ANSWER: A

***Câu 6-CLO1- [Dự phòng]***

**Nghiệp vụ “Nhận được giấy báo Nợ về khoản tiền lãi tháng này phải trả cho một khoản vay tại ngân hàng” được ghi sổ nhật ký:**

- A. Nợ TK 635/Có TK 112
- B. Nợ TK 632/Có TK 112
- C. Nợ TK 642/Có TK 112
- D. Nợ TK 811/Có TK 112

ANSWER: A

***Câu 7-CLO1- [Dự phòng]***

**Kế toán sẽ ghi bên Nợ TK “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” khi:**

- A. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ < tổng chi phí kinh doanh trong kỳ
- B. Doanh thu bán hàng trong kỳ < giá vốn hàng bán trong kỳ
- C. Doanh thu bán hàng trong kỳ > giá vốn hàng bán trong kỳ
- D. Tổng doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ > tổng chi phí kinh doanh trong kỳ

ANSWER: A

**Câu 8-CLO1- [Dự phòng]**

**Trong năm N, tình hình kinh doanh tại công ty ABC cho thấy tổng doanh thu, thu nhập nhỏ hơn tổng chi phí kinh doanh là 100.000.000 đồng. Điều này sẽ làm ảnh hưởng đến “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán vào cuối năm N như thế nào?**

- A. Giảm 100.000.000 đồng
- B. Tăng 100.000.000 đồng
- C. Bằng 100.000.000 đồng
- D. Không bị ảnh hưởng

ANSWER: A

**Câu 9-CLO2- [Dự phòng]**

**Sau khi tất cả các bút toán khóa sổ được ghi nhận và chuyển lên sổ Cái thì tài khoản nào sau đây còn số dư?**

- A. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- C. Xác định kết quả kinh doanh
- D. Chi phí khác

ANSWER: A

**Câu 10-CLO2- [Dự phòng]**

**Nếu trong kỳ kế toán, tổng tài sản giảm 165.000.000 đồng, tổng nợ phải trả giảm 50.000.000 đồng thì tổng vốn chủ sở hữu thay đổi như thế nào?**

- A. Giảm 115.000.000 đồng
- B. Tăng 115.000.000 đồng
- C. Giảm 165.000.000 đồng
- D. Tăng 165.000.000 đồng

ANSWER: A



	Có TK 214	96.000.000
<b>C.</b>	Nợ TK 641	48.000.000
	Có TK 242	48.000.000
<b>D.</b>	Nợ TK 641	96.000.000
	Có TK 242	96.000.000

ANSWER: A

**Câu 15-CLO2- [Dự phòng]**

Ngày 1/10/N, công ty ABC xuất kho một lô công cụ dụng cụ trị giá 24.000.000 đồng, có thời gian phân bổ hợp lý 12 tháng ra sử dụng tại cửa hàng. Biết công ty áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh liên quan đến chi phí sử dụng công cụ dụng cụ trên tại ngày 31/12/N như sau:

<b>A.</b>	Nợ TK 641	6.000.000	
	Có TK 242		6.000.000
<b>B.</b>	Nợ TK 641	24.000.000	
	Có TK 242		24.000.000
<b>C.</b>	Nợ TK 641	6.000.000	
	Có TK 214		6.000.000
<b>D.</b>	Nợ TK 641	24.000.000	
	Có TK 153		24.000.000

ANSWER: A

**Câu 16-CLO2- [Dự phòng]**

Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ bằng 280.000.000 đồng, tổng chi phí kinh doanh trong kỳ bằng 230.000.000 đồng. Bút toán khóa sổ TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh” vào cuối kỳ là:

<b>A.</b>	Nợ TK 911	50.000.000	
	Có TK 421		50.000.000
<b>B.</b>	Nợ TK 421	50.000.000	
	Có TK 911		50.000.000
<b>C.</b>	Nợ TK 511	280.000.000	
	Có TK 911		280.000.000
<b>D.</b>	Nợ TK 911	280.000.000	
	Có TK 511		280.000.000

ANSWER: A

**Câu 17-CLO2- [Dự phòng]**

**Thông tin tình hình kinh doanh công ty ABC trong năm N như sau:**

- + **Tổng doanh thu bán hàng: 2.150.000.000 đồng**
- + **Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 450.000.000 đồng**
- + **Tổng trị giá xuất kho của hàng hóa bán ra: 1.070.000.000 đồng**
- + **Giảm giá hàng bán: 10.000.000 đồng**
- + **Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 300.000.000 đồng**
- + **Lãi thu được từ hoạt động đầu tư chứng khoán: 20.000.000 đồng**
- + **Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng**
- + **Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư: 30.000.000 đồng**

**Bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập sẽ làm phát sinh:**

- A. Bên Có TK 911: 2.215.000.000
- B. Bên Có TK 911: 2.325.000.000
- C. Bên Có TK 911: 2.225.000.000
- D. Bên Có TK 911: 2.150.000.000

ANSWER: A

**Câu 18-CLO2- [Dự phòng]**

**Trong năm N, công ty ABC thanh lý một xe ô tô cũ thu ngay được 250.000.000 đồng bằng chuyển khoản, chi phí tân trang trước khi bán là 10.000.000 đồng, chi phí trả cho bên môi giới 5.000.000 đồng. Nghiệp vụ trên sẽ làm phát sinh:**

- A. Bên Có TK 711: 250.000.000
- B. Bên Có TK 711: 260.000.000
- C. Bên Có TK 711: 265.000.000
- D. Bên Có TK 511: 235.000.000

ANSWER: A

**Câu 19-CLO2- [Dự phòng]**

**Công ty ABC mua một lô hàng hóa gồm 200 sản phẩm với giá 100.000 đồng/sản phẩm, đã chuyển khoản thanh toán. Chiết khấu được hưởng do mua hàng với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí thu mua thanh toán bằng tiền tạm ứng là 2.000.000 đồng. Vậy đơn giá nhập kho của 1 sản phẩm này là:**

- A. 109.000 đồng/sản phẩm
- B. 110.000 đồng/sản phẩm
- C. 108.000 đồng/sản phẩm
- D. 111.000 đồng/sản phẩm

ANSWER: A

**Câu 20-CLO2- [Dự phòng]**

Tại Công ty ABC có số liệu về một loại hàng hóa trong tháng 01/N như sau:

- Hàng tồn kho đầu tháng: 200 sản phẩm, đơn giá 100.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 08/01, mua nhập kho 300 sản phẩm, đơn giá 105.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 17/01, xuất kho bán 400 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 220.000 đồng/sản phẩm
- Ngày 25/01, mua nhập kho 60 sản phẩm, đơn giá 110.000 đồng/sản phẩm

Biết rằng doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Trị giá của hàng hóa tồn cuối tháng 01/N là:

- A. 17.100.000 đồng
- B. 16.250.000 đồng
- C. 16.900.000 đồng
- D. 16.950.000 đồng

ANSWER: A

**PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm)**

**Câu TL-CLO3 – [Dự phòng]**

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 12 năm N tại công ty TNHH ABC như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	100.000.000
Tiền gửi ngân hàng	820.000.000



Hàng hóa	150.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm x 150.000 đồng/sản phẩm)
Phải trả người bán	120.000.000 (chi tiết nợ công ty An Huy)

**Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm N như sau:**

- (1) Ngày 4, chi tiền mặt mua công cụ dụng cụ nhập kho trị giá 5.000.000 đồng.
- (2) Ngày 10, chuyển khoản thanh toán hết tiền còn nợ cho công ty An Huy.
- (3) Ngày 15, bán 100 sản phẩm cho công ty XYZ với giá bán 250.000 đồng/sản phẩm, thu ngay 50% tiền hàng bằng tiền gửi ngân hàng. Phần còn lại khách hàng hẹn sẽ thanh toán vào tháng sau.
- (4) Ngày 28, nhận được hóa đơn dịch vụ Internet tháng này tại cửa hàng với số tiền phát sinh là 1.000.000 đồng, đã chi tiền mặt thanh toán.
- (5) Ngày 31, công ty chuyển khoản 150.000.000 đồng thanh toán tiền lương của nhân viên tháng này, biết rằng trong đó lương của bộ phận bán hàng là 100.000.000 đồng, phần còn lại là lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp.

### ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

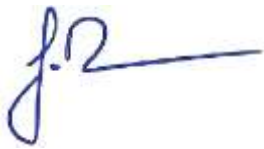
Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>7.0</b>	
Câu 1 đến câu 20	Đáp án A	0.35 điểm/câu	
<b>II. Tự luận</b>		<b>3.0</b>	
<b>Câu TL</b>	(1) Nợ TK 153      5.000.000 Có TK 111      5.000.000 (2) Nợ TK 331    120.000.000 Có TK 112      120.000.000 (3) Nợ TK 632    15.000.000 Có TK 156      15.000.000 Nợ TK 112      12.500.000 Nợ TK 131      12.500.000 Có TK 511      25.000.000	0.5  0.5  0.5  0.5	

	(4) Nợ TK 641      1.000.000 Có TK 111              1.000.000	0.5	
	(5) Nợ TK 641      100.000.000 Nợ TK 642              50.000.000 Có TK 112              150.000.000	0.5	
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2024

**NGƯỜI DUYỆT ĐỀ**

**GIẢNG VIÊN RA ĐỀ**




**ThS. Phan Minh Nguyệt**

**ThS. Tạ Duy Khánh/ ThS. Huỳnh Đăng  
Thành**